

Phụ lục
**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN "DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TẦM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ;
 PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM" THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
 VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng cộng	TTKSBT	Định Quán	Cẩm Mỹ	Trảng Bom	Long Khánh	Tân Phú	Thống Nhất	Xuân Lộc	Ghi chú
I	Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		152.160.000	0	38.040.000	25.360.000	25.360.000	19.020.000	19.020.000	12.680.000	12.680.000	
1	Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm: Thành lập 1 đội tiêm ngoại trạm cho các TYT xã/phường(gồm 5 người/1 đội) thực hiện tiêm chủng ngoại trạm định kỳ hàng tháng trong chương trình tiêm chủng thường xuyên		152.160.000	0	38.040.000	25.360.000	25.360.000	19.020.000	19.020.000	12.680.000	12.680.000	
1.1	Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc	01 TYT/1 đội x 24 TYT x 195.000 đồng/1 người/ đội x 12 tháng	56.160.000	0	14.040.000	9.360.000	9.360.000	7.020.000	7.020.000	4.680.000	4.680.000	Điểm b, khoản 5, điều 4, TT 55/2023/TT-BTC (Điểm b, khoản 2, điều 1, NQ 147/2018/NQ-HĐND)
1.2	Chi hỗ trợ cán bộ trong những ngày tiêm chủng (ngoài chế độ công tác phí hiện hành)	50.000 đồng/1 buổi x 12 buổi x 24 TYT xã/phường x 5 người	72.000.000	0	18.000.000	12.000.000	12.000.000	9.000.000	9.000.000	6.000.000	6.000.000	Điểm b, khoản 3, điều 33, TT55/2023
1.3	Thuê xe ô tô xuống xã	1.000.000 đồng/xã x 24 xã	24.000.000	0	6.000.000	4.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000	2.000.000	2.000.000	Theo thực tế
II	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số		1.787.138.000	95.690.000	531.872.000	281.048.000	284.648.000	161.956.000	167.236.000	127.104.000	137.584.000	

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng cộng	TTKSBT	Định Quán	Cẩm Mỹ	Trảng Bom	Long Khánh	Tân Phú	Thống Nhất	Xuân Lộc	Ghi chú
1	Tập huấn về hệ thống ghi chép, báo cáo cho tuyến huyện, xã	01 lớp, 01 ngày/01 lớp tại TTKSBT, mỗi đơn vị 01 người	4.170.000	4.170.000								
	Thù lao giảng viên	500.000 đồng/buổi x 2 buổi	1.000.000	1.000.000								Điểm a, khoản 1, điều 4, TT55/2023/TT-BTC (Thông tư số 36/2018/TT-BTC)
	Tài liệu, VPP	30.000 đồng/bộ x 31 bộ	930.000	930.000								Theo thực tế
	Chi giải khát	40.000 đồng/người x 31 người	1.240.000	1.240.000								Thông tư số 40/2017/TT-BTC
	Trang trí hội trường	Theo thực tế	1.000.000	1.000.000								Theo thực tế
2	Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ, trẻ em lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số		1.747.968.000	56.520.000	531.872.000	281.048.000	284.648.000	161.956.000	167.236.000	127.104.000	137.584.000	
2.1	Tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản tại huyện, xã, thôn bản (03 lớp, 05 ngày/01 lớp)	03 lớp tại huyện (Tân Phú+ Định Quán; Cẩm Mỹ + Long Khánh + Xuân Lộc; Trảng Bom+ Thống Nhất), 05 ngày/01 lớp cho 196 người bao gồm: TTYT huyện, TYT xã mỗi đơn vị 02 người; mỗi thôn bản 01 người	56.520.000	56.520.000	0	0	0	0	0	0	0	
	Thù lao giảng viên	500.000 đồng/buổi x 2 buổi x 5 ngày/lớp x 3 lớp	15.000.000	15.000.000								Điểm a, khoản 1, điều 4, TT55/2023/TT-BTC (Thông tư số 36/2018/TT-BTC)

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng cộng	TTKSBT	Định Quán	Cẩm Mỹ	Trảng Bom	Long Khánh	Tân Phú	Thống Nhất	Xuân Lộc	Ghi chú
	Tài liệu, VPP	80.000 đồng/bộ x 196 bộ	15.680.000	15.680.000								Theo thực tế
	Chi giải khát	40.000 đồng/người x 196 người	7.840.000	7.840.000								Thông tư số 40/2017/TT-BTC
	Trang trí hội trường	Theo thực tế	3.000.000	3.000.000								Theo thực tế
	Xăng xe hoặc thuê xe	Theo thực tế	15.000.000	15.000.000								Theo thực tế
2.2	Hỗ trợ để cải thiện sức khỏe và dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh...		973.280.000	0	348.880.000	156.520.000	169.120.000	74.760.000	76.440.000	69.440.000	78.120.000	
	<i>Cung cấp sắt cho phụ nữ có thai:</i>	<i>Số PNCT x 1000 đ/ viên x 280 ngày</i>	973.280.000	0	348.880.000	156.520.000	169.120.000	74.760.000	76.440.000	69.440.000	78.120.000	<i>tham khảo giá viên sắt Bidiferon</i>
	Viên sắt (30-60 mg sắt nguyên tố)	3.476 PNCT	973.280.000	0	348.880.000	156.520.000	169.120.000	74.760.000	76.440.000	69.440.000	78.120.000	Theo thực tế
2.3	Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng để bổ sung vào bữa bột/cháo.		220.168.000	0	53.392.000	36.328.000	36.328.000	27.796.000	27.796.000	19.264.000	19.264.000	Điểm đ Khoản 1 điều 59 TT 55/2023/TT-BTC
	Mua sản phẩm dinh dưỡng	Số trẻ x 237.000đ/hộp x 2 lần/năm	204.768.000	0	51.192.000	34.128.000	34.128.000	25.596.000	25.596.000	17.064.000	17.064.000	Tạm tính theo giá viên đa vi chất Bibomix
	Vận chuyển sản phẩm dinh dưỡng	Hợp đồng thuê xe hoặc tính theo lít xăng nếu tự túc phương tiện	15.400.000	0	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	Khoản 10, Điều 4, TT 55/2023/TT-BTC
2.4	Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng cho trẻ từ 0 đến 72 tháng tuổi. Các nhiệm vụ chuyên môn trạm Y tế cần thực hiện bao gồm: Tổ chức sàng lọc và chuyển tuyến; Tiếp nhận và quản lý trẻ tại trạm; Theo dõi trẻ tại hộ gia đình; theo dõi và báo cáo (Mục III; QĐ 3779/QĐ-BYT)		417.600.000	0	104.400.000	69.600.000	69.600.000	52.200.000	52.200.000	34.800.000	34.800.000	Theo hướng dẫn tại Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ Y tế

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng cộng	TTKSBT	Định Quán	Cẩm Mỹ	Trảng Bom	Long Khánh	Tân Phú	Thống Nhất	Xuân Lộc	Ghi chú
	Lập hồ sơ, sổ theo dõi định kỳ; tư vấn tại cộng đồng (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe)	50.000đ/trẻ/tháng (tối đa 300.000đ/CSYT/tháng)	18.000.000		4.500.000	3.000.000	3.000.000	2.250.000	2.250.000	1.500.000	1.500.000	Điểm d Khoản 1 điều 59 TT 55/2023/TT-BTC
	Cấp chế phẩm điều trị dinh dưỡng cấp tính, chế phẩm điều trị và thuốc cho trẻ, tư vấn về điều trị SDD tại nhà, về sử dụng chế phẩm điều trị, nuôi dưỡng trẻ nhỏ: 0-72 tháng tuổi (ước tính số trẻ sdd cấp tính trên địa bàn tỉnh là 2% trẻ dưới 5 tuổi; khoảng 72 trẻ)	Số trẻ x 37.000đ/gói x 150 gói/trẻ	399.600.000	0	99.900.000	66.600.000	66.600.000	49.950.000	49.950.000	33.300.000	33.300.000	- Tạm tính theo giá gói thực phẩm dinh dưỡng y học HEBI - Theo Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế - Khoản 3 điều 59 TT 55/2023/TT-BTC
2.5	Hỗ trợ cộng tác viên dinh dưỡng thôn, bản: Mỗi thôn hỗ trợ 01 cộng tác viên chuyên trách dinh dưỡng với mức hỗ trợ 50.000 đồng/tháng	Số CTV thôn bản (134 CTV) x 50.000 đồng/người/tháng x 12 tháng	80.400.000	0	25.200.000	18.600.000	9.600.000	7.200.000	10.800.000	3.600.000	5.400.000	QĐ2415/QĐ-BYT
3	Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em		35.000.000	35.000.000	0	0	0	0	0	0	0	
	Thẩm định tử vong mẹ, tử vong trẻ em	Thẩm định khi có tử vong mẹ và tử vong trẻ em xảy ra	35.000.000	35.000.000	0	0	0	0	0	0	0	Điểm đ, khoản 4, điều 35, TT 55/2023/TT-BTC
	Hợp hội đồng thẩm định	Theo thực tế	30.000.000	30.000.000								Khoản 2, điều 6, TT 03/2023/TT-BTC
	Công tác phí	Theo thực tế	3.000.000	3.000.000								

STT	Nội dung	Diễn giải	Tổng cộng	TTKSBT	Định Quán	Cẩm Mỹ	Trảng Bom	Long Khánh	Tân Phú	Thống Nhất	Xuân Lộc	Ghi chú
	Thuê người dẫn đường, người phiên dịch tiếng dân tộc (nếu có)	Theo thực tế	2.000.000	2.000.000								Điểm b, khoản 5, điều 4, TT 55/2023/TT-BTC (Điểm b, khoản 2, điều 1, NQ 147/2018/NQ-HĐND)
IV	Giám sát; chỉ đạo tuyển	Theo thực tế	50.000.000	29.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
V	Hội nghị, hội thảo tuyển trên	Theo thực tế	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0	0	0	
VI	Chi khác		75.000.000	5.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
	CỘNG		2.114.298.000	179.690.000	582.912.000	319.408.000	323.008.000	193.976.000	199.256.000	152.784.000	163.264.000	